TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06-6-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh An.

Ông Võ Văn Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1975 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1971 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:

- Về hôn nhân: Bà N và ông Huỳnh Văn L tự nguyện tiến đến hôn nhân, mặc dù không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông vào ngày 03/4/2000. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống không hạnh phúc do thường xuyên bất đồng quan điểm nên dẫn đến việc cãi nhau. Vì không muốn các con bị tổn thương nên bà N chịu đựng chung sống với ông L đến khi các con trưởng thành. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Bà N và ông L có 02 con chung là anh Huỳnh Văn Đ, sinh ngày 26/7/1994 và chị Huỳnh Thị Thu A, sinh ngày 18/9/1998. Anh Đ và chị A đã thành niên nên bà N không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bà N không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Huỳnh Văn L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông L không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà N có đơn xin được vắng mặt, bị đơn ông L vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn nên đây là "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Huỳnh Văn L có nơi cư trú tại ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Ngọc N có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Huỳnh Văn L đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà N, ông L.

[3] Về hôn nhân: Bà N và ông L chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 03/4/2000 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa bà N và ông L xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng ông L vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ ông L không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh với bà N.

Thấy rằng, giữa bà N và ông L không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa bà N và ông L đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà N và ông L có 02 con chung là anh Huỳnh Văn Đ, sinh ngày 26/7/1994 và chị Huỳnh Thị Thu A, sinh ngày 18/9/1998. Anh Đ và

chị A đã thành niên nên bà N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà N là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà N được ly hôn với ông Huỳnh Văn L.

2. Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008176 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên bà N đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà N, ông L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm